ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /2023/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1380/TTr-STTTT ngày 30/12/2022, Văn bản hoàn thiện bổ sung số 1757/STTTT-TT ngày 27/7/2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 318/BC-STP ngày 01/11/2022 và ý kiến tham gia của thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Văn phòng CP;
- Bộ Công an;
- Bộ Thông tin và Truyền thông; (báo cáo)
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp
- Q.CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-3, TH, KSTT, PC;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, XD6.

N.05-QĐ.07.01.1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Văn Diện

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các Hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các Hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các hệ thống camera giám sát nội bộ của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

4. Đối với hệ thống camera theo các quy định đặc thù riêng đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến các hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Camera giám sát là các mắt điện tử, có thể soi, nhìn thấy hình ảnh tại nơi cần theo dõi, quan sát.

2. Hệ thống camera giám sát bao gồm thiết bị camera giám sát tại hiện trường, hệ thống thiết bị phục vụ ghi hình, quản lý và lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng, phần mềm sử dụng trong hệ thống, mạng truyền dẫn dữ liệu và các thành phần khác để vận hành, hoạt động hệ thống.

3. Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh bao gồm hệ thống trang thiết bị phần cứng và phần mềm nhằm quản lý và hình thành cơ sở dữ liệu

camera dùng chung phục vụ công tác giám sát an ninh và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; là đầu mối phân phối, chia sẻ dữ liệu camera theo phân cấp.

4. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc truy xuất dữ liệu camera bao gồm các đơn vị được phân quyền truy cập vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Đơn vị sử dụng dữ liệu bao gồm tất cả các đơn vị được cấp quyền hoặc tài khoản truy cập trực tiếp thông qua bất kỳ giải pháp, phương pháp kỹ thuật đã được UBND tỉnh hoặc cơ quan được UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt để truy cập vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh, trừ trường hợp dữ liệu camera được cơ quan Nhà nước công bố cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

6. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát là đơn vị quản lý/được giao quản lý hệ thống camera giám sát được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc thuộc quyền sở hữu, quản lý của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

7. Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát là đơn vị có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát tỉnh.

8. Chia sẻ dữ liệu là việc đơn vị quản lý hệ thống camera cung cấp, trích xuất dữ liệu hình ảnh camera cho đơn vị sử dụng dữ liệu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bằng các giải pháp kỹ thuật phù hợp, thông qua các hệ thống thông tin.

9. Tích hợp hệ thống là việc kết nối, chuẩn hóa dữ liệu hình ảnh camera, các giao thức, công cụ điều khiển hệ thống camera được đơn vị quản lý hệ thống camera cung cấp cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh thông qua các hệ thống thông tin bằng các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Tuân thủ các nguyên tắc, biện pháp bảo đảm cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006.

2. Việc quản lý, tích hợp, chia sẻ và khai thác hệ thống camera giám sát phải phù hợp với kiến trúc hệ thống quản lý tập trung camera giám sát và các quy định có liên quan.

3. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của hệ thống camera giám sát được đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác bởi cơ quan Nhà nước là tài sản của Nhà nước, được bảo vệ, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ công tác giám sát, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, cứu nạn - cứu hộ, giám sát phòng chống cháy rừng và quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của cơ quan Nhà nước, hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Dữ liệu từ hệ thống camera giám sát phải được kết nối, tích hợp, đồng bộ, thống nhất và đảm bảo chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu khai thác; dữ liệu

này được quản lý trong hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh và có phương án sao lưu dự phòng phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác giám sát an toàn, an ninh.

5. Việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu hệ thống camera giám sát phải đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khách quan, minh bạch, đúng mục đích, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị. Đồng thời phải đảm bảo các yếu tố bảo mật thông tin, dữ liệu.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và Điều 8, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, cụ thể như sau:

1. Cản trở hoạt động hợp pháp hoặc hỗ trợ hoạt động bất hợp pháp về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; cản trở bất hợp pháp hoạt động của hệ thống máy chủ tên miền quốc gia; phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, phá hoại thông tin trên môi trường mạng;

2. Cung cấp, trao đổi, truyền đưa, lưu trữ, sử dụng thông tin số nhằm mục đích Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác đã được pháp luật quy định;

3. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.

5. Vi phạm các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền bảo vệ thông tin cá nhân khi kết nối, chia sẻ dữ liệu.

6. Làm sai lệch dữ liệu trong quá trình lưu chuyển dữ liệu từ cơ quan cung cấp dữ liệu tới cơ quan khai thác dữ liệu.

7. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Phân quyền quản lý, truy cập hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh

1. Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát phân quyền truy cập cao nhất, nhằm đảm bảo phục vụ công tác chỉ huy, điều hành của lãnh đạo Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong mọi tình huống; được truy cập tất cả hình ảnh camera có trong hệ thống với đầy đủ các tính năng.

2. Hệ thống các trung tâm điều hành, chỉ huy ngành, lĩnh vực phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước được phân quyền truy cập tương ứng vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý cụ thể theo quy định của UBND tỉnh. Người đứng đầu các đơn vị có trách

nhiệm ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân thuộc quyền quản lý đối với việc truy cập và sử dụng dữ liệu được khai thác từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.

3. Hệ thống các trung tâm điều hành thông minh của các địa phương được phân quyền truy cập, giám sát, xử lý hình ảnh đối với các camera trên địa bàn quản lý. Hệ thống các trung tâm điều hành thông minh của các địa phương có khả năng kết nối, chia sẻ thông tin và hình ảnh cho các trung tâm giám sát khác thông qua hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

4. Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát là đơn vị chủ trì, phối hợp với với các đơn vị có liên quan xây dựng, thường xuyên cập nhật các đối tượng sử dụng mới và phân quyền truy cập của hệ thống phù hợp với tình hình thực tế, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đối tượng này.

Điều 7. Danh mục các dữ liệu, thông tin được quản lý tập trung

Danh mục các dữ liệu, thông tin liên quan hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh gồm ít nhất các thông tin sau:

1. Các thông tin liên quan đến thiết bị camera.

2. Đơn vị cung cấp, cập nhật dữ liệu.

3. Hình thức cập nhật dữ liệu.

4. Tần suất cập nhật dữ liệu.

5. Đơn vị sử dụng dữ liệu.

Điều 8. Quy định về cung cấp, cập nhật dữ liệu đối với hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu liên quan đến hệ thống cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi hoặc sau khi triển khai lắp đặt mới thiết bị camera; cung cấp các thông tin, tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát tỉnh theo danh mục dữ liệu được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Việc tích hợp, kết nối, chia sẻ, sử dụng, khai thác dữ liệu hình ảnh hệ thống camera giám sát được thực hiện thông qua các dịch vụ truy cập trực tuyến, di động, các giao diện lập trình ứng dụng, các công cụ phát triển phần mềm và các phương thức, giải pháp kỹ thuật khai thác dữ liệu khác.

3. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan để kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu hình ảnh, quyền điều khiển hệ thống cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

Điều 9. Quy định về khai thác hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Các cơ quan Nhà nước được khai thác sử dụng thông tin thuộc hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo phân quyền được quy định tại Điều 6 của

Quy chế này, phục vụ cho mục tiêu quản lý và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan mình, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo. Việc khai thác dữ liệu dùng chung ngoài phạm vi quản lý phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan Nhà nước trên một số lĩnh vực (giao thông vận tải, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, khu công nghiệp, khu kinh tế, an ninh trật tự, quản lý đô thị…) được cung cấp dữ liệu khai thác từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh và dữ liệu từ hệ thống camera do đơn vị trực tiếp quản lý để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt hơn và góp phần cho sự phát triển của tỉnh.

3. Mọi vi phạm, hành vi lạm dụng, đánh cắp dữ liệu phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát và được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý khai thác, tích hợp, chia sẻ hệ thống quản lý tập trung hình ảnh giám sát phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng, dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan.

Điều 10. Quy định về công bố, chia sẻ dữ liệu camera cung cấp cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp

1. Một phần dữ liệu thuộc hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh được công bố, chia sẻ cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thông qua dịch vụ truy cập trực tuyến, ứng dụng di động hoặc các giao thức kỹ thuật khác để khai thác sử dụng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội cho tỉnh và tạo thuận tiện hơn cho người dân và cộng đồng.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục dữ liệu và lĩnh vực cụ thể được công bố và được phép chia sẻ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

Điều 11. Quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hệ thống quản lý tập trung camera giám sát phải đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tuân thủ theo các quy định pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định áp dụng liên quan đến Hệ thống camera bao gồm TCVN 9250:2021 về Trung tâm tích hợp dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông; TCVN ISO/IEC 27002:2020 về Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Quy tắc thực hành quản lý an toàn thông tin; TCVN 10850:2015 về Hệ thống giám sát điều hành giao thông trên đường cao tốc…

2. Các đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm phân công nhân sự phụ trách quản trị hệ thống của đơn vị mình; quản lý, lưu trữ bảo mật và thường xuyên thay đổi mật khẩu tài khoản quản trị. Việc cấp, quản lý tài khoản truy cập vào các hệ thống camera thuộc quản lý của đơn vị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phân quyền của từng đối tượng sử dụng.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân được cấp tài khoản truy cập vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Tỉnh có trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, thường xuyên thay đổi mật khẩu truy cập và áp dụng các biện pháp phù hợp để phòng, chống các hành vi truy cập, xâm nhập và khai thác trái phép vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Tỉnh.

4. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát được thực hiện thông qua mạng viễn thông dùng riêng, mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng đô thị băng rộng do doanh nghiệp viễn thông cung cấp; trừ trường hợp thuộc Khoản 5 Điều này.

5. Đối với dữ liệu thuộc các lĩnh vực được chia sẻ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khai thác sử dụng do cơ quan Nhà nước cung cấp theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này, việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu được thực hiện qua mạng viễn thông công cộng sau khi đã được áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống. Việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát qua mạng viễn thông công cộng phải được kiểm tra an toàn thông tin định kỳ 06 tháng/lần bởi các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền.

6. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu, quá trình đăng nhập hệ thống phải được ghi nhận vào nhật ký của hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

Điều 12. Quy định chung về lắp đặt các hệ thống camera giám sát trên địa bàn Tỉnh

1. Việc triển khai, vận hành hệ thống camera phải bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên tục, liên thông, kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống camera và hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh để truy cập khi cần thiết. Các cơ quan, đơn vị khi trang bị camera giám sát phải phối hợp với Công an tỉnh rà soát, kiểm tra, đánh giá về an ninh, an toàn thiết bị trước khi đưa vào sử dụng.

Sử dụng camera giám sát đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin theo quy định; không sử dụng camera giám sát không có chứng nhận xuất xứ, chất lượng sản phẩm hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cảnh báo không đảm bảo an toàn thông tin.

2. Khi triển khai các hệ thống camera giám sát, các đơn vị quản lý hệ thống camera phải đảm bảo chia sẻ tín hiệu hình ảnh, tích hợp về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh; phối hợp với đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát, Sở Thông tin và Truyền thông trong 10 ngày làm việc để triển khai các phương án kỹ thuật kết nối về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

3. Việc lắp đặt các hệ thống camera nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của

Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu quy định về thời gian lưu trữ tối thiểu đối với các dữ liệu của hệ thống quản lý tập trung camera giám sát, bao gồm chế độ sao lưu và trách nhiệm cung cấp dữ liệu đã sao lưu của các đơn vị quản lý hệ thống camera cho các cơ quan chức năng khi cần thiết, đảm bảo phù hợp với sự phát triển của công nghệ và các quy định hiện hành.

5. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo phù hợp về vị trí, tầm quan sát, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn điện và phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát của tỉnh.

Điều 13. Quy định về lắp đặt thiết bị camera nơi công cộng

1. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát nơi công cộng phải được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý địa điểm đó; có sự đồng thuận bằng văn bản về vị trí và phương án kỹ thuật của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chức năng có liên quan hoặc đơn vị được các cơ quan này ủy quyền bằng văn bản; đồng thời, phải đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển mạng lưới camera giám sát của tỉnh.

2. Ưu tiên sử dụng chung hạ tầng lắp đặt hệ thống camera như cột, trụ, tủ kỹ thuật tại cùng một vị trí hoặc có sự phối hợp triển khai thi công đồng bộ giữa các đơn vị nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

3. Đối với hệ thống camera lắp đặt tại các bệnh viện, trường học, cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý hệ thống phải báo cáo phương án kỹ thuật và vị trí lắp đặt cho Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa Thể thao theo phạm vi quản lý; đồng thời, chịu trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát để kết nối dữ liệu hình ảnh vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của Tỉnh.

4. Đối với hệ thống camera lắp đặt tại các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, camera do cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp lắp đặt nhằm giám sát an ninh, bảo vệ tài sản của chính cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp mà có một phần tầm quan sát bao phủ khu vực công cộng (vỉa hè, lòng đường...) thì cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp cung cấp dữ liệu từ hệ thống camera giám sát thuộc quyền sở hữu của mình cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Điều 14. Quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống camera giám sát, định kỳ 06 tháng thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, đặc biệt đối với các hệ thống camera được đầu tư bằng ngân sách Nhà nước.

2. Đơn vị quản lý hệ thống camera có trách nhiệm khắc phục các hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định,

bình thường trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố hoặc được các đơn vị liên quan thông báo về sự cố phát sinh.

3. Kinh phí thực hiện bảo trì, bảo dưỡng do đơn vị quản lý hệ thống camera lập dự toán và đề xuất bằng nguồn ngân sách vận hành thường xuyên hàng năm của đơn vị.

4. Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn chi tiết về quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống quản lý tập trung camera giám sát trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Quy định về đầu tư các hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh

1. Phải đảm bảo thực hiện đúng quy định theo Luật Đầu tư công và các quy định, hướng dẫn có liên quan; phải lấy ý kiến thẩm định chuyên ngành của cơ quan chuyên môn theo quy định pháp luật, nhằm đảm bảo tính đồng bộ và tương thích giữa các hệ thống camera đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các hệ thống quản lý tập trung camera giám sát phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của các sở, ban, ngành, giám sát an ninh trật tự tại các vị trí trọng điểm trên địa bàn tỉnh, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách tỉnh để đầu tư thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với các hệ thống quản lý tập trung camera giám sát phục vụ quản lý Nhà nước tại UBND các huyện, thị xã, thành phố, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách được phân bổ cho địa phương hoặc các nguồn kinh phí khác để đầu tư thực hiện phù hợp với nhu cầu của địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối với việc tích hợp các hệ thống camera được đầu tư nguồn vận động của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn UBND các huyện, thị xã, thành phố, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện, hạn chế sử dụng vốn ngân sách tập trung hoặc ngân sách được phân bổ cho địa phương để thực hiện việc tích hợp, quản lý tập trung đối với các hệ thống này.

Điều 16. Kinh phí bảo đảm cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo cho việc đầu tư, vận hành, hoạt động của hệ thống camera giám sát, hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo phân cấp ngân sách hiện hành. UBND các địa phương chủ động bố trí kinh phí để thực hiện quản lý hệ thống camera giám sát, hệ thống quản lý tập trung hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo, đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát và các đơn vị liên quan được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo quy định pháp luật.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, TÍCH HỢP, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ TẬP TRUNG CAMERA GIÁM SÁT CỦA TỈNH

Điều 17. Đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát

1. Cấp phát, quản lý tài khoản sử dụng hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh; định kỳ rà soát các tài khoản truy cập vào hệ thống.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn chi tiết về quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống quản lý tập trung camera giám sát.

3. Chủ trì, tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tích hợp, cập nhật dữ liệu về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất các cơ chế chính sách cần thiết, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật nhằm đảm bảo hiệu quả của việc triển khai, vận hành hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

4. Phối hợp các đơn vị liên quan đảm bảo hạ tầng và an toàn an ninh vận hành hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

Điều 18. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành, cập nhật và điều chỉnh Quy chế này và các quy định liên quan đến quản lý, tích hợp, triển khai hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh công bố, cập nhật, sửa đổi, bổ sung danh mục các dữ liệu, thông tin liên quan hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh phải được chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị nhằm phục vụ cho công tác tác nghiệp, quản lý, chỉ đạo điều hành của đơn vị.

3. Ban hành các tài liệu hướng dẫn liên quan đến quy trình phối hợp, hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật về đầu tư, lắp đặt, cập nhật, tích hợp, quản lý, khai thác dữ liệu, chế độ sao lưu dự phòng liên quan đến các hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh.

4. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức và chỉ đạo các chiến dịch bóc gỡ, ngăn chặn mã độc và các chương trình độc hại trên hệ thống camera giám sát của tỉnh; đồng thời tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý, vận hành hệ thống camera giám sát cho cán bộ, nhân viên các đơn vị, địa phương.

Điều 19. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, kết nối, chia sẻ, vận hành và khai thác các hệ thống camera theo Quy chế này theo quy định Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển cho các dự án

đầu tư về các hệ thống camera, hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh theo quy định Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị quản lý và cung cấp dữ liệu hệ thống camera giám sát

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu các hệ thống camera thuộc phạm vi quản lý.

2. Tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào hệ thống quản lý tập trung camera giám sát theo danh mục các dữ liệu, thông tin được quy định tại Điều 7.

3. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát tỉnh kịp thời, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về hệ thống theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Khi triển khai đầu tư, lắp đặt, nâng cấp các hệ thống camera phải thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật hiện hành; chủ động liên hệ, phối hợp với Công an tỉnh để rà soát, kiểm tra, đánh giá về an ninh, an toàn thiết bị theo quy định. Có quy chế quản lý, vận hành, trích xuất, chia sẻ dữ liệu camera (thiết lập hệ thống lưu nhật ký thể hiện rõ mục đích trích xuất, thời gian, người thực hiện, người yêu cầu…).

5. Thường xuyên cung cấp thông tin cho đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát về tình hình và tiến độ triển khai các hệ thống camera giám sát, đặc biệt là các hệ thống camera giám sát chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về hệ thống quản lý tập trung camera giám sát nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

6. Chịu trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, thay thế thiết bị thuộc hệ thống camera giám sát trong trường hợp phát sinh hư hỏng; đảm bảo hạn chế gây gián đoạn việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu cho hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, quản lý và khai thác dữ liệu hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ hoặc chia sẻ, công bố cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy chế này.

3. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu trích xuất từ hệ thống quản lý tập trung camera giám sát của tỉnh, tuyệt đối không chia sẻ thông tin với đơn vị

bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông báo cho đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp đơn vị quản lý Hệ thống quản lý tập trung camera giám sát và các đơn vị liên quan tổng hợp, xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy chế, đề xuất hình thức khen thưởng, trình UBND tỉnh xem xét, khen thưởng.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc kỷ luật và xử lý vi phạm phù hợp đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình vi phạm trong quá trình thực hiện Quy chế này. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất hình thức kỷ luật và xử lý vi phạm phù hợp đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Ban cán sự đảng UBND tỉnh quản lý vi phạm trong quá trình thực hiện Quy chế này theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên hệ với đơn vị quản lý để được hướng dẫn, phối hợp xử lý. Trường hợp vượt thẩm quyền, đơn vị quản lý tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đồng thời thống nhất phương án đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Trong quá trình triển khai thực hiện, gặp khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh hoặc trường hợp những quy định căn cứ, dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng./.